

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 50/2017/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 12 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND-KTNS ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua danh mục 609 dự án cần thu hồi đất năm 2018 với tổng diện tích 13.544,93 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

2. Thông qua 4 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018 với tổng diện tích 10,852 ha trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT:

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số 50 /NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN đóng vốn, vốn TW...)		
1	Thị xã Đông Xoài	275,64			3.697.733	1.692.683	2.004.300	750		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	125,50			2.176.737	426.987	1.749.000	750		
1	Đường số 18	0,50	CLN+ODT	Tân Bình	10.000		10.000			
2	Đường số 5	0,22	CLN+ODT	Tân Bình	4.400		4.400		QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh	
3	Khu đô thị mới và Công viên thị xã Đông Xoài (tái định cư)	56,00	CLN+ODT	Tân Bình	1.300.000		1.300.000		QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh	
4	Đường quy hoạch số 30 (Nguyễn Chánh đến Phan Bội Châu)	2,00	CLN+ODT	Tân Bình	40.000	40.000			QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh	
5	Đường số 18 (Lê Duẩn đến đường Võ Văn Tần)	0,70	CLN+ODT	Tân Bình	2.100		2.100		QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh	
6	Đường Võ Văn Tần nối dài	0,70	CLN+ODT	Tân Bình	1.400		1.400		QĐ số 459/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh	
7	TTHC phường Tân Đông	0,06	CLN+ODT	Tân Đông	1.200		1.200			
8	Đường số 11 (Phu Riêng Đò vào TTHC P. Tân Đông)	1,10	CLN+ODT	Tân Đông	30.000		30.000			
9	TTHC phường Tân Đông (phần còn lại)	0,34	CLN+ODT	Tân Đông	1.000		1.000			
10	Đường số 7	0,83	CLN+ODT	Tân Phú	17.000		17.000			
11	Đường Trần Hưng Đạo nối dài	8,10	CLN+ODT	Tân Phú	243.000	243.000				
12	Hai tuyến đường 28m, 23m thuộc KDC phía Bắc tỉnh	1,37	CLN+ODT	Tân Phú	37.000	37.000				
13	Trung tâm Thương mại Đông Xoài	3,30	CLN+ODT	Tân Phú	90.000	90.000				
14	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dọc đường vòng quanh hồ suối Cam	0,02	ODT	Tân Phú	167	167				
15	Mở rộng Nhà văn hóa ấp 2, ấp 7 và ấp 8	0,75	CLN	Tân Thành	1.000		1.000			
16	Mương nước ngoài hàng rào và Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Đông Xoài I	3,00	CLN+ONT	Tân Thành	1.260	1.260				
17	Nghĩa trang nhân dân Đông Xoài II	18,83	CLN	Tân Thành	38.000		38.000			
18	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đông Xoài I	0,50	CLN+ODT	Tân Thành	1.000	1.000				
19	Bia di tích lịch sử Quốc gia đường Hồ Chí Minh	0,03	CLN	Tân Thiện	900		900			
20	Trường THCS chất lượng cao	4,00	CLN+ODT	Tân Thiện	90.000		90.000		QĐ số 2690/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND thị xã	
21	Đường số 2 (QL 14 đến Trần Quang Khải)	4,96	CLN+ODT	Tân Thiện	90.000		90.000		QĐ số 430/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh.	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
22	Khu dân cư dịch vụ hỗn hợp (Trường THCS chất lượng cao)	16,00	CLN+ODT	Tân Thiện	160.000		160.000			
23	Nhà máy xử lý nước thải (phần còn lại)	0,05	CLN+ODT	Tân Xuân	750			750		
24	Mương nước ngoài hàng rào KCN Đông Xoài II	0,48	CLN+ONT	Tiến Thành	960	960				
25	Trung tâm giám định y khoa - pháp y	0,40	CLN+ONT	Tiến Thành	8.000	8.000			QĐ số 2352/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh	
26	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm	0,26	CLN+ONT	Tiến Thành	5.600	5.600			QĐ số 6345/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 UBND thị xã	
27	Đường nối QL 14 vào KDC ấp 1, Tiến Thành	1,00	CLN+ODT	Tiến Thành	2.000		2.000		Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 28/02/2016	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	150,14			1.520.996	1.265.696	255.300			
1	Khu du lịch Hồ Suối Cam	4,70	CLN+ODT	Tân Phú	120.000	120.000				
2	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Lan và Tiểu học Tiến Hưng B	0,30	CLN+ONT	Tiến Hưng	300		300			
3	Mương nước ngoài hàng rào KCN Đông Xoài III	1,00	CLN+ONT	Tiến Hưng	1.260	1.260				
4	Trường Mầm non và tiểu học Tân Thiện	4,50	CLN+ODT	Tân Thiện	80.000		80.000			
5	Kê và nạo vét hồ Suối Cam	4,80	CLN+ODT	Tân Phú	12.000	12.000				
6	Nghĩa trang nhân dân thị xã Đông Xoài III	19,00	CLN	Tiến Hưng						Đất của Công ty cao su Đông Phú không bồi thường về đất
7	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa.	98,24	CLN, NTS, ONT	TX. Đông Xoài	982.436	982.436				
8	Đường Lý Thường Kiệt nối dài (Phù Riềng Đổ đến Nguyễn Huệ)	1,85	CLN+ODT	Tân Đông	45.000		45.000			
9	Đường Nguyễn Huệ nối dài	3,35	CLN+ODT	Tân Đông	65.000		65.000			
10	Đường tránh nội ô TX. Đông Xoài	1,40	CLN+ODT	Tân Xuân	30.000		30.000			
11	Đường vành đai thị xã	9,60	CLN+ODT	Tân Bình	150.000	150.000			QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh	
12	Đường từ Đặng Thai Mai đến Lý Thường Kiệt	1,40	CLN+ODT	Tân Phú	35.000		35.000			
II	Thị xã Bình Long	254,64			120.560	64.492	56.068			
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	171,62			90.494	58.890	31.603			
1	Cải tạo chợ Bình Long	1,90	ODT	An Lộc	22.800		22.800		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
2	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0,34	CLN, HNK	An Lộc	99		99		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
3	Đường Phan Bội Châu nối dài (2500m)	1,71	CLN, HNK, ODT	An Lộc	410		410		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
4	Đường Trần Phú nối dài (360m)	0,58	CLN	An Lộc	261		261		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
5	Mương 2m từ đường ALT22 đến suối giáp ranh P.Hưng Chiến (KP Phú Tân)	0,01	CLN	An Lộc	5		5		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
6	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 76	0,02	CLN	An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
7	Mương 2m từ đường ALT1 ngang qua đường ALT5 đến giáp mương hiện hữu (đổi Đổ Long) từ bản đồ số 15	0,09	CLN	An Lộc	41		41		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
8	Mương nước từ đường ALT11 đến suối giáp ranh khu phố An Bình-Phú Trung	0,04	CLN	An Lộc	18		18		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
9	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 428 và thửa đất số 10 từ bản đồ số 12	0,01	CLN	An Lộc	5		5		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
10	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 76 và thửa đất số 268 từ bản đồ số 14	0,02	CLN	An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
11	Mương 2m từ đường đất (khu đất kho An Lạc) đến điểm đầu từ thửa đất số 4 từ bản đồ số 18 đến hệ thống mương thoát nước đường Đoàn Thị Điểm qua thửa đất số 3 từ bản đồ số 18 và thửa đất số 200, thửa 336	0,02	CLN	An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
12	Mương 2m từ đường đất đi qua các thửa số 27,29,31,32,38 từ số 14 đến suối ranh giới giữa xã Thanh Phú-An Lộc	0,02	CLN	An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
13	Mương 2m từ đường đất đi qua các thửa số 43,54 từ số 14 đến suối ranh giới giữa xã Thanh Phú-An Lộc	0,02	CLN	An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
14	Mương 3m từ đường ALT16 đến suối	0,03	CLN	An Lộc	14		14		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
15	Mương 3m từ đường ALT16 đến suối qua thửa đất số 12,15 từ 21	0,02	CLN	An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
16	Mương 3m từ đường ALT16 đến suối qua thửa đất số 222 từ 21	0,03	CLN	An Lộc	14		14		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
17	Trung tâm học tập cộng đồng	2,00	CLN	An Lộc	900		900		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
18	XD cơ sở văn hóa khu phố Bình An	0,70	DGD	An Lộc	315		315		QĐ 2180/QĐ-UB ngày 18/12/2006 của UBND tỉnh Bình Phước	
19	Đường điện khu phố Bình Ninh I	1,64	CLN	Hưng Chiến	738		738		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
20	Khu đô thị mới Nam An Lộc	55,51	CLN	Hưng Chiến	24.980	24.980			Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
21	Mở rộng Đường Phan Bội Châu	1,79	CLN, HNK, ODT	Hưng Chiến	1.898		1.898		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
22	Tiểu dự án bồi thường, GPMB các khu đất giao nhà đầu tư tạo vốn đối ứng thực hiện dự án XD mới tuyến Đ. Minh Hưng - Đồng Nơ theo hình thức BT	85,87	CLN	Hưng Chiên	30.320	30.320			Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
23	Mở rộng Khu dân cư khu phố Phú Tân	6,00	CLN	Hưng Chiên	2.700		2.700		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
24	Mở rộng Trường tiểu học Thành Bình	1,07	CLN	Hưng Chiên	482		482		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
25	Khu dân cư trường học Võ Thị Sáu	0,07	CLN	Phú Đức	32		32		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
26	Tiểu dự án bồi thường, GPMB các khu đất giao nhà đầu tư tạo vốn đối ứng thực hiện dự án xây dựng mới tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ theo hình thức BT	8,49	CLN	Phú Đức	3.591	3.591			Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
27	XD mương thoát nước 1,6m từ thửa số 23, tờ bản 51 đến thửa....	0,01	CLN	Phú Đức	5		5		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
28	Đường PT13 từ đường Nơ Trang Long đến TPT22	0,10	CLN	Phú Thịnh	45		45		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
29	Chợ Thanh Lương	0,79	CLN	Xã Thanh Lương	174		174		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
30	Đường điện 220KV Bình Long - Tây Ninh	0,02	CLN	Xã Thanh Lương	4		4		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
31	Mở rộng đường giao thông nông thôn	1,80	CLN, HNK	Xã Thanh Lương	396		396		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
32	Nhà công vụ trường THCS Thanh Lương	0,10	CLN	Xã Thanh Lương	22		22		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
33	Trường MN xã Thanh Lương	0,80	CLN	Xã Thanh Lương	176		176		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	83,02			30.066	5.601	24.465	0		
1	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	1,20	CLN	Xã Thanh Phú	264		264		Đăng ký nhu cầu mới năm 2018	
2	Mở rộng trường tiểu học Thanh Phú B	1,00	CLN	Xã Thanh Phú	220		220		Đăng ký nhu cầu mới năm 2018	
3	Sân thể thao cụm ấp	3,00	CLN	Xã Thanh Phú	660		660		Đăng ký nhu cầu mới năm 2018	
4	Trụ sở công an, xã đội và nhà văn hóa	3,00	CLN	xã Thanh Phú	660		660		Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017	
5	Trường PTTN Nguyễn Huệ	6,00	CLN	Xã Thanh Phú	1.320	1.320			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017	
6	Đường mương song song đường ALT13 khu phố An Bình qua thửa 223;224;232;237;240 tờ số 23	0,02	CLN	An Lộc	9		9			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
7	Đường mương từ đường bê tông đến hệ thống mương thoát nước đường Đoàn Thị Điểm-DT 752 qua thửa 25; 5;6;12;13 tờ 23	0,04	CLN	An Lộc	18		18			
8	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	2,54	CLN	An Lộc	110	110		Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban quản lý Khu kinh tế		
9	Khu dân cư dọc 2 bên đường Trần Hưng Đạo và ĐT 758	0,54	CLN	Phú Thịnh	243		243	Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017		
10	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long	3,79	CLN	Phú Thịnh	1.710		1.710	Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017		
11	Khu dân cư dọc 2 bên đường Trần Hưng Đạo và ĐT 758	2,51	CLN	Phù Đức	1.130		1.130	Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017		
12	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long	1,72	CLN	Phù Đức	774		774	Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban quản lý Khu kinh tế		
13	Trụ sở Bảo hiểm xã hội	0,27	CLN	Phù Đức	122	122		CV số 255/UBND-SX ngày 08/03/2017 của UBND thị xã Bình Long		
14	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	5,69	CLN	Hưng Chiến	2.562		2.562	Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban quản lý Khu kinh tế		
15	Trường THPT Bình Long	9,00	CLN	Hưng Chiến	4.050	4.050		Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban quản lý Khu kinh tế		
16	Khu Trung tâm hành chính Thị xã dự kiến	42,70	CLN	Hưng Chiến	16.215		16.215	CV số 3238/UBND-KT ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thuận vị trí QH xây dựng khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long.		
III	Thị xã Phước Long	268,90			134.885	1.305	67.080	66.500		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	170,88			88.300	0	64.800	23.500		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
1	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao (Theo QHCT khu TTHC)	3,10	TSC	Phường Long Phước					Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND thị xã Phước Long	Đất công, không bồi thường đất
2	Khu bảo tồn văn hóa (Theo QHCT khu TTHC)	0,17	TSC	Phường Long Phước					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
3	QHM trường Tiểu học Sơn Giang	1,00	LNC	Phường Sơn Giang	35.000		35.000		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
4	Xây dựng trường Mẫu giáo Sơn Giang (tại xí nghiệp KSMN)	0,66	TSC	Phường Sơn Giang					QĐ số 1286/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thị xã Phước Long	Đất công, không bồi thường đất
5	QHM trường Mẫu giáo Phước Tín (tại sân bóng xã)	0,45	DTT	Xã Phước Tín					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
6	QHM trường Mẫu giáo Long Phước (Theo QHCT khu TTHC)	0,57	TSC	Phường Long Phước					Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND thị xã Phước Long	Đất công, không bồi thường đất
7	QHM trường Mẫu giáo Phước Bình	0,75	NTD	Phường Phước Bình					QĐ số 1286/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thị xã Phước Long	Đất công, không bồi thường đất
8	Đường Vành Đai 2 (Từ khu Phước Vĩnh-phường Phước Bình đến khu Sơn Long-phường Sơn Giang)	4,86	CLN	Phường Sơn Giang, phường Phước Bình	3.900		3.900		Thông báo số 138/TB-UBND ngày 08/9/2017 của UBND thị xã Phước Long	
9	Đoạn qua phường Sơn Giang	3,07	CLN	Phường Sơn Giang	2.500		2.500			
10	Đoạn qua phường Phước Bình	1,79	CLN	Phường Phước Bình	1.400		1.400			
11	Đường vào hội trường thôn Phước Quả	0,06	CLN	Xã Phước Tín	50		50		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
12	Đường cứu nạn tại KP Sơn Long	0,17	CLN	Phường Sơn Giang	250		250		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
13	Đường D1 (đài 796m, lộ giới 24m, mặt 12m-via bê mỗi bên 6m)	1,06	CLN	Phường Long Phước	850		850		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
14	Đường vào khu tái định cư dài 200m, rộng 4m (đường Lê Quý Đôn nối dài)	0,08	CLN	Phường Thác Mơ	150		150		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu bồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
15	Đường D10 (Đak Sol nối dài)	2,59	CLN, ODT	Phường Long Thủy	300		300		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
16	Đường Nhơn Hòa 1 đi phường Long Thủy	0,91	CLN, ONT	Xã Long Giang	250		250		QĐ số 106a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND xã Long Giang	
17	Nâng cấp đường Tập đoàn 7	0,62	CLN, ONT	Xã Long Giang	530		530		QĐ số 1298/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND Thị xã	
18	Trạm xử lý nước thải phía Bắc dự án (khu TTHC và ĐTM)	0,62	CLN	Xã Long Giang	470		470		Thông báo số 107/TB-UBND ngày 10/6/2016 của UBND thị xã	
19	Đầu tư nâng cấp Chợ Phước Long	0,79	DCH	Phường Thác Mơ					QĐ số 1298/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND Thị xã	Đất công, không bồi thường đất
20	Khu di tích vườn cây lưu niệm Bà Nguyễn Thị Định - Khu di tích nhà tù Bà Rá	7,00	CLN	Phường Sơn Giang	8.000		8.000		Công văn số 1518/UBND-KT ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh và Công văn số 805/UBND-KT ngày 24/9/2015 của UBND thị xã Phước Long	
21	Di tích Miếu Bà Rá; Đường từ đồi Bằng Lăng tới đỉnh núi Bà Rá; Đường dưới Đai truyền thanh tại đồi Bằng Lăng; Đường dưới Trạm tiếp sóng đỉnh núi Bà Rá,...	19,50	RDD	Phường Sơn Giang	17.000			17.000	Công văn số 2033/UBND-VX ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh V/v thuận chủ trương xây dựng các công trình tâm linh trong khu DTLS và thắng cảnh núi Bà Rá	
22	Bãi thải, xử lý rác thị xã Phước Long	10,68	CLN	Xã Long Giang	11.000		11.000		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
23	Mở rộng trụ sở UBND phường Thác Mơ (ngân hàng chính sách Phước Long)	0,20	TSC	Phường Thác Mơ					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
24	Nghĩa địa xã Phước Tín	1,00	CLN	Xã Phước Tín	150		150		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
25	Hội trường khu phố 2	0,12	NDT	Phường Phước Bình					Công văn số 1247/UBND-SX, ngày 15/12/2016 của UBND thị xã Phước Long	Đất công, không bồi thường đất
26	Hội trường khu phố 3	0,02	ODT	Phường Phước Bình					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
27	Hội trường khu phố Bình Giang 1 (tại SVD)	0,05	DTT	Phường Sơn Giang					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
28	Hội trường khu phố Bình Giang 2	0,12	TSC	Phường Sơn Giang					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
29	Trung tâm thương mại (Theo QHCT khu TTHC)	1,30	TSC	phường Long Phước					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
30	Trung tâm thương mại Phước Tín	2,20	CLN, ONT	xã Phước Tín	6.500			6.500	QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
31	Khu Công viên cây xanh - Hồ nước (Theo QHCT khu TTHC)	6,18	TSC	Phường Long Phước					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
32	Dự án đầu tư Công viên hồ Long Thủy	7,78	MNC	phường Long Thủy				Nguồn vốn DN	QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
33	Khu đất trụ sở UBND phường Long Phước cũ (đấu giá)	0,11	TSC	Phường Long Phước					QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
34	Đất ở (trong khu 90 ha rừng đặc dụng chuyển về địa phương)	16,00	RDD	phường Sơn Giang					Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 27/5/2013 của UBND thị xã Phước Long	Đất rừng đặc dụng chuyển về địa phương không bồi thường đất
35	Khu dân cư hiện hữu (Công ty CP Thủy điện Thác Mơ đang quản lý)	57,00	DNL	phường Thác Mơ					Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 12/6/2012 của UBND thị xã Phước Long	Đất Cty CP Thủy điện chuyển về địa phương không bồi thường đất
36	Đất ở trong khu hành chính mới và một số khu đất thuộc Dự án TTHC và khu đô thị mới được điều chỉnh thành đất ở để đấu giá	18,30	TSC	phường Long Phước					Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của UBND tỉnh Bình Phước	Đất công, không bồi thường đất
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	98,01			46.585	1.305	2.280	43.000		
1	Cầu treo dân sinh thôn An Lương	0,20	CLN	Xã Long Giang	120			120		
2	Đường đi ngang nghĩa địa khu phố 2, phường Phước Bình	0,05	NDT	Phường Phước Bình					Công văn số 1247/UBND-SX, ngày 15/12/2016 của UBND thị xã Phước Long	Đất công, không bồi thường đất
3	Hạ tầng kỹ thuật đường Vòng Sân Bay (đoạn tiếp giáp ngoài dự án TTHC và ĐTM)	0,70	CLN	Phường Long Phước	600			600	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND thị xã Phước Long	
4	Mở rộng hành lang đường Vòng Sân Bay (khu đất công ty Triệu Phước, đoạn trong dự án)	0,01	CLN	Phường Sơn Giang	250			250		
5	Mở rộng hành lang đường Vòng Sân Bay (khu đất nông trường 5 - Công ty CP Cao su Phú Thịnh, đoạn ngoài dự án)	0,01	CLN, ODT	Phường Long Phước	150			150		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
6	Đường giao thông tại khu phố 3 (sau lưng sân vận động)	0,05	ODT	Phường Long Thủy	400		400			
7	Trạm xử lý nước thải phía Tây dự án (khu TTTC và ĐTM)	0,42	CLN	Phường Long Phước	340		340	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND thị xã Phước Long		
8	Hệ thống thoát nước DT 759 (cổng Sơn Hà, cổng Ông Hải, Bà Nguyệt)	0,01	CLN	Phường Long Phước	300		300			
9	Dự án quản thể văn hoá -Cửu sinh núi Bà Rá	50,00	RDD, CLN	Phường Sơn Giang, Thác Mơ, xã Phước Tân	15.000			15.000	QĐ số 1799/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
10	Hội trường khu phố Sơn Long	0,05	CLN	Phường Sơn Giang	120		120		Phù hợp quy hoạch	
11	Khu dân cư sinh thái số 1+2 (Thuộc Khu du lịch núi Bà Rá)	46,23	CLN, RDD	phường Thác Mơ	28.000			28.000	Quyết định số 1799/QĐ-UBND, ngày 26/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước	
12	Thanh lý khu đất trường mẫu giáo Phước Bình (cũ)	0,18	DGD	UBND phường Phước Bình					Chủ trương của UBND thị xã	Đất trường học, không bồi thường đất
13	Dự án thành phần GPMB, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,10	CLN, ODT, NTS	thị xã Phước Long	1.305	1.305			Ban QLDA ĐTXD CTGT	
IV	Huyện Bù Đăng	527,28			246.071	24.320	46.655	175.096		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	449,96			233.822	24.320	34.406	175.096		
1	Khu bảo tồn VHDT Sĩng sóc Bom Bo	11,36	CLN	Bình Minh	5.680	5.680			QĐ số 2441/QĐ-UBND ngày 21/10/2010; Danh mục KHSĐĐ năm 2015 (Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh)	
2	Nghĩa địa xã Bình Minh	2,44	CLN	Bình Minh	500		500		Danh mục KHSĐĐ năm 2015 (Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh)	
3	Tường tiểu học Xuân Hồng (TTTC xã)	1,20	CLN	Bình Minh	600			600	Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh)	
4	Trường THPT Lương Thế Vinh	1,50	CLN	Bom Bo	750		750		để án phát triển giáo dục	
5	Xây dựng Trụ sở mới thôn 5	0,17	CLN	Bom Bo	85		85			
6	Bến xe Đắc Nhau	1,33	CLN	Đắc Nhau	667		667		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số nền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
7	Khu TTHC xã Đak Nhou	7,47	CLN	Đak Nhou	2.989		2.989		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	
8	Nghĩa địa xã Đak Nhou	1,99	CLN	Đak Nhou	997		997		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	
9	Đường QL14 vào Thọ Sơn, Đak Nhou	6,25	CLN	Đak Nhou Thọ Sơn	3.125	3.125				
10	Bãi rác	5,20	CLN	Đak Nhou, Nghĩa Trung, Phước Sơn, Phú Sơn	2.644		2.644			
11	Mở rộng MG Hoa Cúc	0,45	CLN	Đang Hà	225		225		để án phát triển giáo dục	
12	Nghĩa địa thôn 3	1,00	CLN	Đang Hà	500		500		Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh	Đất công, không bồi thường đất
13	Đường thác đưng	0,02	CLN	Đoàn Kết	12		12			
14	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân huyện	3,49	CLN	Đoàn Kết	1.743		1.743		để án phát triển giáo dục	
15	Trường mẫu giáo Hoa Sen	0,20	CLN	Đoàn Kết	100		100		để án phát triển giáo dục	
16	Cửa xã, mương, cống thuộc dự án QL14	0,22	CLN	Đoàn Kết, Đức Liễu, Đức Phong, Minh Hưng, Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Thọ Sơn	112			112		
17	Mở rộng Đường vào xã Đồng Nai	31,03	CLN, ONT	Đoàn Kết, Thọ Sơn, Đồng Nai	15.515	15.515				
18	Phim trường tráng có Bù Lạch	345,29	RSX	Đồng Nai	172.645			172.645		
19	Mở rộng Trường tiểu học Kim Đồng	0,85	CLN	Đức Liễu	427		427			
20	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	1,20	CLN	Đức Liễu	600		600		để án phát triển giáo dục	
21	Xây mới mẫu giáo Tuổi Thơ	1,20	CLN	Đức Liễu	600			600		
22	Cải tạo suối Đak Woa	0,54	CLN	Đức Phong	270		270			
23	Mở rộng Trung tâm dạy nghề	1,76	CLN	Đức Phong	880		880		để án phát triển giáo dục	
24	Mương dẫn dòng Đường Điều Ong	0,01	CLN	Đức Phong	410		410			
25	Đường số 6 nối dài	0,28	CLN	Đường 10	138		138		UBND xã Đăng ký nhu cầu	
26	Nhà văn hóa Thôn 4	0,08	CLN	Đường 10	166			166		
27	Đất đường điện 220KV	1,64	CLN	Minh Hưng						Thu hồi đất cây cao su không đền bù
28	Xây mới TH Nguyễn Bá Ngọc	1,10	CLN	Minh Hưng	550		550		để án phát triển giáo dục	
29	Đập cấp nước thôn Bình Trung	4,50	DTL	Nghĩa Bình	2.250		2.250			
30	Nhà văn hóa thôn Bình Trung	0,10	CLN	Nghĩa Bình	50			50		
31	Mở rộng chợ Bù Na	1,06	CLN	Nghĩa Trung	423			423	Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
32	Mở rộng Trường THCS Nghĩa Trung	0,50	CLN	Nghĩa Trung	250		250		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	
33	Trung tâm Thương mại Nghĩa Trung	0,58	CLN	Nghĩa Trung	290		290			
34	Sân vận động các xã	2,50	CLN	Nghĩa Trung, Đoàn Kết, Thọ Sơn	600		600			
35	Nghĩa địa thôn Sơn Tân	1,00	CLN	Phù Sơn	500			500	UBND xã đăng ký	
36	Nghĩa địa xã Phù Sơn	0,80	CLN	Phù Sơn	400		400		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	
37	Mở rộng Trường mẫu giáo Phước Sơn	0,95	CLN	Phước Sơn	476		476			
38	Đường liên xã từ Sơn Lập đi Đồng Nai	1,31	CLN	Thọ Sơn	655		655		UBND xã Đăng ký ưu cầu	
39	Xây dựng tuyến đường D1 nối dài, tại khu Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	7,38	CLN, ONT	thị trấn Đức Phong	15.000		15.000		Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của UBND huyện Bù Đăng	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	77,33			12.249	0	12.249	0		
1	Mở rộng Võ Thị Sáu	0,82	CLN	Bình Minh	410		410			
2	Trụ sở UBND xã Bom Bo	1,00	CLN	Bom Bo	500		500		CV 361/BQLNN-KTTĐ ngày 23/10/2018	
3	Xây dựng Trụ sở UBND xã Bom Bo	1,00	CLN	Bom Bo	85		85			
4	Xây dựng Trường cấp 3 Ngô Gia Tự	2,00	CLN	Bom Bo	1.000		1.000			
5	Xây mới trường THPT Lương Thế Vinh	1,20	CLN	Bom Bo	600		600		để án phát triển giáo dục	
6	Trường mẫu giáo Hoa Hồng	0,02	CLN	Đức Nhau	10		10		để án phát triển giáo dục	
7	Mở rộng Tiểu học Đăng Hà	0,76	CLN	Đăng Hà	380		380		để án phát triển giáo dục	
8	Mở rộng Trường tiểu học thôn 5 Đăng Hà	1,12	CLN	Đăng Hà	560		560		để án phát triển giáo dục	
9	Mở rộng TH Đoàn Kết	0,60	CLN	Đoàn Kết	300		300		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	
10	Mở rộng Trường tiểu học thôn 5 Đoàn Kết	0,25	CLN	Đoàn Kết	125		125		để án phát triển giáo dục	
11	Nhà văn hóa thôn 8	0,12	CLN	Đoàn Kết	60		60		Công trình nông thôn mới	
12	Mở rộng Tiểu học Đồng Nai	0,70	CLN	Đồng Nai	350		350		để án phát triển giáo dục	
13	Mở rộng Trường tiểu học xã Đồng Nai	0,40	CLN	Đồng Nai	200		200		để án phát triển giáo dục	
14	Chợ thôn thôn 2, Đức Liễu	0,58	CLN	Đức Liễu	290		290			
15	Mở rộng TH Đức Liễu	0,31	CLN	Đức Liễu	155		155		để án phát triển giáo dục	
16	Nghĩa trang xã Đường 10	1,40	CLN	Đường 10	700		700		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND (tỉnh)	
17	Mở rộng TH Lê Văn Tám	0,76	CLN	Nghĩa Trung	380		380		để án phát triển giáo dục	
18	Mở rộng TH Nghĩa Trung	0,41	CLN	Nghĩa Trung	205		205		để án phát triển giáo dục	
19	Trường mẫu giáo Sao Mai	0,18	DGD	Nghĩa Trung	89		89		để án phát triển giáo dục	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
20	Xây mới TH Sao Mai	1,00	CLN	Nghĩa Trung	500		500		đề án phát triển giáo dục	
21	Mở rộng mẫu giáo Hướng Dương	0,30	CLN	Phú Sơn	150		150		đề án phát triển giáo dục	
22	Mở rộng Trường tiểu học Sơn Phú	0,50	CLN	Phú Sơn	250		250		đề án phát triển giáo dục	
23	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	1,50	CLN	Phú Sơn	750		750			
24	Tuyển trùn và cống lấy nước xã Phú Sơn	0,50	CLN	Phú Sơn	250		250			
25	Mở rộng THCS Thọ Sơn	0,30	CLN	Thọ Sơn	150		150		đề án phát triển giáo dục	
26	Trường mẫu giáo Hoa Phượng	1,20	CLN	Thọ Sơn	600		600		đề án phát triển giáo dục	
27	Nhà văn hóa thôn Sơn Lập, Sơn Lợi	0,50	CLN	Thọ Sơn, Phú Sơn	250		250			
28	Mẫu giáo Anh Đào	0,50	CLN	Thống Nhất	250		250		đề án phát triển giáo dục	
29	Mở rộng MG Sơn Ca	1,00	CLN	Thống Nhất	500		500		đề án phát triển giáo dục	
30	Nhà văn hóa thôn 3	0,50	CLN	Thống Nhất	250		250			
31	Sân bóng xã Thống Nhất	1,00	CLN	Thống Nhất	500		500		Quyết định 1334/QĐ-UBND ngày 20/06/2014	
32	Nâng cấp, mở rộng ĐT755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	35,00	DGT và HLLG	TT. Đức Phong, xã Thống Nhất, xã Nghĩa Trung	600		600			
33	Đường GTNT QL14 đi Lam Sơn	19,60	DGT và HLLG	xã Nghĩa Trung-Thống Nhất	700		700		Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh	Đất công, không bồi thường đất
34	Giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,30	CLN, NTS, ONT		150		150		CV 175/BQLDA-KHHT ngày 13/11/2018	
V	Huyện Hòa Xuân	3.051,19			2.107.307	498.499	333.620	1.275.188		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	1.625,39			964.691	220.208	177.448	567.035		
1	Nhà văn hóa ấp 7	0,20	CLN	Xã An Khương	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
2	Trung tâm văn hóa TDTT xã An Khương	2,30	CLN	Xã An Khương	480		480			Đất dân
3	Đường điện 220 Kv Bình Long - Tây Ninh	0,48	CLN	Xã An Phú, Minh Tâm	465			465		
4	Mỏ đá vôi Thanh Lương	198,06	CLN	Xã An Phú, Minh Tâm	148.545			148.545		
5	Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico	655,00	RSX, CLN	Xã Đồng Nơ	198.900			198.900		
6	Mở rộng nghĩa địa ấp 3	1,00	CLN	Xã Đồng Nơ	360		360			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
7	Nhà văn hóa ấp 1	0,18	CLN	Xã Đồng Nơ	65		65			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
8	Nhà văn hóa ấp 3	0,50	CLN	Xã Đồng Nơ	180		180			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
9	Nhà văn hóa ấp 5	0,50	CLN	Xã Đồng Nơ	180		180			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
10	Nhà văn hóa ấp 1B	0,30	CLN	Xã Minh Đức	180		180			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
11	Nhà văn hóa ấp Đồng Dấu	0,30	CLN	Xã Minh Đức	180		180			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
12	Mô vật liệu, trạm đập - Nhà máy xi măng Minh Tâm (giai đoạn 1)	30,70	CLN	Xã Minh Tâm	23.025			23.025		
13	Nhà văn hóa ấp Tổng Cui Nhỏ	0,20	CLN	Xã Phước An	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
14	Trung tâm hành chính xã Tân Hiệp	10,58	CLN	Xã Tân Hiệp	12.696		12.696			
15	Đài tưởng niệm liệt sỹ	0,20	CLN	Xã Tân Hưng	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
16	Đường điện trung thế	3,00	CLN	Xã Tân Hưng	1.080		1.080			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
17	Vùng lõi Căn cứ HCKT của Ban CHQS Hớn Quản và Bình Long	57,44	CLN	Xã Tân Hưng, Phước An	37.508	37.508				
18	Đường Tân Khai đi Cầu Huyện ủy	1,83	CLN	Xã Tân Khai	5.475		5.475			
19	Khu công nghiệp Tân Khai II	160,00	CLN	Xã Tân Khai	57.600			57.600		Đất của BQLKKT
20	Khu dân cư Trục chính Bắc Nam	1,78	CLN	Xã Tân Khai	5.340		5.340			
21	Khu dân cư Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện và đường Đông Tây 9	3,84	CLN	Xã Tân Khai	11.520		11.520			
22	Khu dân cư trước Trường Nguyễn Hữu Cánh	3,00	CLN	Xã Tân Khai						Đất công của UBND xã
23	Nghĩa trang nhân dân xã Tân Khai	3,47	NTD	Xã Tân Khai						Đất nghĩa địa không GPMB
24	Nhà tiếp đón của Công an huyện	0,40	TSC	Xã Tân Khai						Đất của công an huyện đã GPMB
25	Nhà Văn hóa ấp 2	0,05	CLN	Xã Tân Khai	150		150			
26	Nhà Văn hóa ấp 3	0,05	CLN	Xã Tân Khai	150		150			
27	Nhà Văn hóa ấp 4	0,05	CLN	Xã Tân Khai	150		150			
28	Nhà Văn hóa ấp 5	0,07	CLN	Xã Tân Khai	210		210			
29	Trạm CSGT Quốc lộ 13	1,10	TSC	Xã Tân Khai						Đất công của UBND xã
30	Trục chính Bắc Nam nối dài (GD1) đoạn 1 và 2	0,30	CLN	Xã Tân Khai	900		900			
31	Trung Tâm VHHT Huyện	11,70	CLN, ONT	Xã Tân Khai	62.100		62.100			
32	Cụm công nghiệp Lê Vy	20,00	CLN, ONT	Xã Tân Khai	102.500			102.500		
33	Nhà văn hóa thể thao - Tân Lợi	0,60	CLN	Xã Tân Lợi	480		480			
34	Nhà văn hóa ấp Ân Lợi	0,41	ONT	Xã Tân Lợi	492		492			
35	Nhà văn hóa ấp Bà Lãnh	0,10	DGD	Xã Tân Lợi						Đất trường học không bồi thường
36	Nhà văn hóa ấp Hưng Thạnh	0,15	CLN	Xã Tân Lợi	105		105			
37	Nhà văn hóa ấp Núi Gió	0,15	DGD	Xã Tân Lợi						Đất trường học không bồi thường

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (trệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
38	Nhà văn hóa ấp Phú Miêng	0,15	ONT	Xã Tân Lợi	150		150			
39	Nhà văn hóa ấp Quán Lợi A	0,10	CLN	Xã Tân Lợi	80		80			
40	Nhà văn hóa thể thao xã	0,60	CLN	Xã Tân Lợi	480		480			
41	Văn phòng ấp Sóc Trào A	0,15	CLN	Xã Tân Lợi	105		105			
42	Nhà văn hóa ấp Phú Lu	0,20	CLN	Xã Thanh An	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
43	Nhà văn hóa ấp Trà Thanh	0,20	CLN	Xã Thanh An	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
44	Trường cấp I,II Bù Dinh	0,46	CLN	Xã Thanh An	204		204			
45	Trường mẫu giáo Thanh An	0,32	CLN	Xã Thanh An	256		256			
46	Khu công nghiệp Việt Kiều	100,00	CLN	Xã Thanh Bình	36.000			36.000		Đất của BQLKKT
47	Xây dựng chợ Thanh Bình	0,12	CLN	Xã Thanh Bình	144		144			
48	Mở rộng trường THCS Phước An	1,10	CLN	Xã Phước An	396		396			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
49	Sân Bay Tecnic	261,00	CLN	Xã Tân Lợi	182.700	182.700				
50	GPMB Lâm đối ứng đường Minh Hưng Đông-Nơ	91,00	CLN	Xã Thanh Bình	72.800		72.800			
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	1.425,80			1.142.616	278.291	156.172	708.153		
1	Dự án thành phần GPMB, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,23	CLN, DGT, HLBVĐB	An Khương, Tân Hưng	2.909			2.909	Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh	
2	Bãi bãi nhà máy xi măng An Phú	66,40	CLN	Xã An Phú	49.800			49.800		
3	Khu dân cư phía tây thị xã Bình Long trên địa bàn huyện Hớn Quản	5,60	CLN	Xã An Phú	21.016	21.016				Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
4	Mô đá với nhà máy xi măng Minh Tâm (139,2 ha trên An Phú, Minh Tâm)	21,00	CLN	Xã An Phú	15.750			15.750		
5	Mô nguyên liệu nhà máy xi măng An Phú	200,00	CLN	Xã An Phú	150.000			150.000		
6	Nhà văn hóa ấp Phố Lố	0,26	CLN	Xã An Phú	94		94			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
7	Nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí xã An Phú	2,02	CLN	Xã An Phú	727		727			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
8	Thu hồi ngoài ranh quy hoạch mô đá với Thanh Lương	3,50	CLN	Xã An Phú	2.625			2.625		
9	Mô đá với Thanh Lương mở rộng (bổ sung diện tích 30,6 ha ở ba xã A Phú, M.Tâm)	30,60	CLN	Xã An Phú, Minh Tâm	11.475			11.475		
10	Các công trình công cộng và Khu dân cư xã Đồng Nơ	7,05	CLN	Xã Đồng Nơ						Đất của BQLKKT đã GPMB
11	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Đồng Nơ	0,40	CLN	Xã Đồng Nơ						Đất công của UBND xã

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
12	Cần cứ chiến đấu	20,00	CLN	Xã Minh Đức	14.000	14.000				
13	Mở rộng trường mầm non Minh Đức	0,15	CLN	Xã Minh Đức						Không bồi thường do dân hiến đất
14	Nâng cấp đường GT vào nhà máy xi măng Minh Tâm	3,70	CLN	Xã Minh Đức	2.775	2.775				
15	Bãi chửa nguyên liệu và trạm đập nhà máy xi măng An Phú	102,00	CLN	Xã Minh Tâm	76.500			76.500		
16	Bãi thải nhà máy xi măng Minh Tâm	50,00	CLN	Xã Minh Tâm	37.500			37.500		
17	Các hạng mục bổ sung của nhà máy xi măng Minh Tâm (bãi thải, hồ lắng, khu phụ trợ)	55,20	CLN	Xã Minh Tâm	41.400			41.400		
18	Cải tạo đường QL 14C	0,45	CLN	Xã Minh Tâm	338		338			
19	Chợ xã Minh Tâm	2,00	CLN	Xã Minh Tâm	720		720			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
20	Đường băng tải Nhà máy xi măng Minh Tâm	9,00	CLN	Xã Minh Tâm	6.750			6.750		
21	Khu dân cư áp 1 (cho Việt Kiều Campuchia)	0,99	CLN	Xã Minh Tâm						Đất công của UBND xã
22	Khu dân cư nhà máy xi măng An Phú	70,00	CLN	Xã Minh Tâm	52.500			52.500		
23	Khu nhà ở CBCNV nhà máy xi măng Minh Tâm	52,00	CLN	Xã Minh Tâm	39.000			39.000		
24	Khu văn hóa - thể thao	4,00	CLN	Xã Minh Tâm	1.440		1.440			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
25	Khu xử lý chất thải rắn	35,00	CLN	Xã Minh Tâm	26.250			26.250		
26	Mặt bằng bãi chứa nguyên liệu và nhà máy xi măng Minh Tâm	168,00	CLN	Xã Minh Tâm	126.000			126.000		
27	Mặt bằng nhà máy xi măng An Phú	70,10	CLN	Xã Minh Tâm	52.575			52.575		
28	Nâng cấp đường GT vào nhà máy xi măng Minh Tâm	8,00	CLN	Xã Minh Tâm	6.000	6.000				
29	Nhà văn hóa ấp 4	0,06	CLN	Xã Minh Tâm						Đất công của UBND xã
30	Thu hồi ngoài ranh quy hoạch nhà máy xi măng Minh Tâm (hạng mục mặt bằng, mô vật liệu)	9,50	CLN	Xã Minh Tâm	7.125			7.125		
31	Nhà văn hóa ấp Văn Hiến 2.	0,07	CLN	Xã Phước An						Đất công của UBND xã
32	Trường tiểu học Phước An B	1,50	CLN	Xã Phước An	540		540			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
33	Trường bản núi gió	287,00	CLN	Xã Phước An, Tân Lợi, Thanh Bình	200.900	200.900				
34	Nhà văn hóa ấp 8	0,20	TMD	Xã Tân Hiệp						Đất của Điện lực Bình Phước
35	Chợ Tân Hiệp	0,98	CLN	Xã Tân Hiệp	1.176	1.176				
36	Bưu điện văn hóa Tân Hưng	0,03	CLN	Xã Tân Hưng						Đất công của UBND xã

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
37	Trường tiểu học Tân Hưng B	2,00	CLN	Xã Tân Hưng	720		720			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
38	Văn phòng ấp Đông Hồ	0,10	CLN	Xã Tân Hưng	36		36			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
39	Văn phòng ấp Hưng Phát	0,10	CLN	Xã Tân Hưng	36		36			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
40	Bến xe Hón Quán	1,37	CLN	Xã Tân Khai	13.125		13.125			
41	Chợ mới Tân Khai	3,15	CLN, ONT, DGD	Xã Tân Khai	33.000		33.000			
42	Chợ Tân Khai	0,73	CLN, ONT	Xã Tân Khai	22.956		22.956			
43	Đường Bắc Nam 2	0,45	CLN	Xã Tân Khai	1.350		1.350			
44	Đường Đông Tây 7 nội dài	0,03	CLN	Xã Tân Khai	75		75			
45	Đường từ QL13 vào KCN Tân Khai II	8,10	CLN, ONT	Xã Tân Khai	27.600	27.600				
46	Đường vào nghĩa trang xã Tân Khai	0,40	CLN	Xã Tân Khai	560		560			
47	Khu công viên cây xanh	2,10	CLN	Xã Tân Khai	7.350		7.350			
48	Khu dân cư phía trước nghĩa trang LS huyện	8,00	CLN	Xã Tân Khai						Đất công của UBND xã
49	Khu dân cư Tân Khai	55,52	CLN	Xã Tân Khai	9.994			9.994		Đất của BQLKKT
50	Khu tăng áp nước	0,40	CLN	Xã Tân Khai	1.800		1.800			
51	Khu dân cư chợ cũ Tân Khai	0,20	ONT, DGT	Xã Tân Khai	8.640		8.640			
52	Trung tâm Giáo dục	9,57	CLN, ONT	Xã Tân Khai	56.985		56.985			
53	Khu dân cư phía đông thị xã Bình Long (trên địa bàn huyện Hón Quán)	13,40	CLN	Xã Tân Lợi	4.824	4.824				Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
54	Mở rộng Nhà văn hóa ấp Quán Lợi B	0,06	CLN	Xã Tân Lợi	48		48			
55	Mở rộng trường THCS Tân Lợi	0,15	CLN	Xã Tân Lợi	120		120			
56	Trung tâm VHHT - học tập cộng đồng	0,50	DGD	Xã Tân Lợi						Đất trường học không bồi thường
57	Mở rộng trạm y tế xã Tân Quan	1,00	CLN	Xã Tân Quan	360		360			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
58	Nghĩa trang nhân dân xã Tân Quan	5,00	CLN	Xã Tân Quan	1.800		1.800			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
59	Nhà văn hoá ấp 2	0,20	CLN	Xã Tân Quan	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
60	Nhà văn hoá ấp 4, 5	1,20	CLN	Xã Tân Quan	432		432			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
61	Nhà văn hoá ấp Long Bình	0,20	CLN	Xã Tân Quan	72		72			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
62	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Quan	2,00	CLN	Xã Tân Quan	720		720			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
63	Trường mầm non Tân Quan	1,00	CLN	Xã Tân Quan	360		360			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
64	Trường mầm non Xạ Lây	1,00	CLN	Xã Tân Quan	360		360			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
65	Mở rộng đường đi Thanh Sơn	0,97	CLN	Xã Thanh An	349		349			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
66	Mở rộng trường mầm non Thanh Sơn	0,10	CLN	Xã Thanh An	80		80			
67	Nhà văn hóa An Quý	0,25	CLN	Xã Thanh An	90		90			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
68	Nhà văn hóa Sóc Dâm	0,03	CLN	Xã Thanh An	18		18			
69	Nhà văn hóa Tư Ly	0,25	CLN	Xã Thanh An	90		90			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
70	Trường mầm non Trà Thanh	1,00	CLN	Xã Thanh An	360		360			Đất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
71	Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các khu đất giao nhà đầu tư thực hiện các dự án khác, phần mặt bằng tuyến và khu tái định cư dự án Xây dựng đường Minh Hưng - Đồng Nơ theo hình thức BT	16,80	CLN	Đồng Nơ					Ban QLDA CTGT đăng ký	Đất công, không bồi thường đất
72	Trường Mầm non Tân Khai A	1,50	CLN	Xã Tân Khai	350		350			
VI	Huyện Chợ Thành	5.380,33			4.358.462	24.035	6.520	4.327.907		
a	Các dự án chuyển tiếp từ 2016, 2017	5.366,32			4.352.858	24.035	6.500	4.322.323		
1	Trung tâm thương mại Suối Đồi, Vin com	8,73	CLN ODT	TT Chơn Thành	6.500		6.500			
2	Đường N9 nối dài đến đường số 7 (đường N3 quy hoạch)	19,84	CLN, ODT	TT. Chơn Thành	14.512			14.512		
3	Đất SXKD khu mở rộng Minh Hưng - Hàn Quốc	5,00	CLN	Xã Minh Hưng	2.000			2.000		
4	Khách sạn và khu dân cư văn phòng Tỉnh ủy	20,00	CLN	Xã Minh Hưng	10.000	10.000				
5	Khu đất tạo vốn đối ứng dự án đường Minh Hưng-Đồng Nơ	16,00	CLN	Xã Minh Hưng	6.400			6.400		
6	Mở rộng khu Công nghiệp Minh Hưng III	577,53		Xã Minh Hưng	231.012			231.012		
7	Nối tiếp hạ lưu tương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	4,16	CLN	Xã Minh Hưng	1.664			1.664		
8	Trạm 110KV Khu CN Minh Hưng và đường dây đầu nối	0,43	CLN	Xã Minh Hưng	172			172		
9	Thu bồi bổ sung lòng hồ Phước Hòa	15,00	CLN	Xã Minh Lập	5.250	5.250				
10	Căn cứ hậu cần kỹ thuật	25,10	CLN	Xã Minh Thắng	8.785	8.785				
11	Khu dân cư Minh Thành	20,00	ONT+CLN	xã Minh Thành	10.400			10.400	QĐ 1818 ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh	
12	Móng trụ đường dây 500kV đầu nối	0,09	CLN	Xã Minh Thành	34			34		
13	Trạm biến áp 500KV	20,07	CLN	Xã Minh Thành	8.028			8.028		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
14	Móng trụ đường dây 220kV đầu nối	1,11	CLN	xã Minh Thành, Nha Bích, Minh Hưng, Thành Tâm, TT. Chơn Thành	444			444		
15	Đất TMDV dân cư Becamex	2.208,27	CLN	Xã Minh Thành, Thành Tâm, Nha Bích, TT. Chơn Thành	1.908.875			1.908.875		
16	Khu công nghiệp và dân cư Becamex	2.425,00	CLN	Xã Minh Thành, TT Chơn Thành	2.138.782			2.138.782		
b	Các dự án đăng ký mới 2018	14,01			5.604	0	20	5.584		
1	Khu đất tạo vốn đối ứng dự án đường Minh Hưng-Dồng Nơ	13,96	CLN	Xã Thành Tâm	5.584			5.584		
2	NVH ấp 1, ấp Hòa Vinh 2	0,05	CLN	Xã Thành Tâm	20		20			
VII	Huyện Phú Riềng	497,33			53.534	22.241	31.293	0		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	431,17			30.523	11.095	19.428	0		
1	GTNT các xã	5,00	CLN	Các xã	2.064		2.064			
2	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Sơn	3,00	CLN	Xã Bình Sơn	360		360			
3	Trung tâm văn hóa -TDTT xã Bình Sơn	2,10	CLN	Xã Bình Sơn	867		867			
4	M/R NVH thôn Phước Lộc	0,21	CLN	Xã Bình Tân	25		25			
5	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Tân	5,97	CLN	Xã Bình Tân	716		716			
6	Sân bay quân sự	300,00	CLN	Xã Bình Tân					Cv 125/BCHT-TM ngày 21/01/2015 về đky KHSDĐ2016, Cv 802/BCHT-TM ngày 10/10/2016 đky KHSDĐ	Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất
7	SVD Bình Tân	1,01	CLN	Xã Bình Tân	55		55		TTtr 66/TT-UBND, H 23/6/2017	
8	Khu Trung tâm hành chính huyện	22,83	CLN, NTS, ONT	Xã Bù Nho	11.095	11.095				
9	Đường Tân Hiệp 1 số 12	0,70	CLN	Xã Bù Nho	289		289		QĐ 4051/QĐ-UBND ngày 5/12/2013 của huyện Bù Gia Mập	
10	Đường Tân Long số 40	0,60	CLN	Xã Bù Nho	248		248		QĐ 4051/QĐ-UBND ngày 5/12/2013 của huyện Bù Gia Mập	
11	Đường Tân Lực số 18	0,60	CLN	Xã Bù Nho	248		248		QĐ 4051/QĐ-UBND ngày 5/12/2013 của huyện Bù Gia Mập	
12	NVH thôn Tân Bình, Tân Hiệp 1,2, Tân Long	0,41	CLN	Xã Bù Nho	81		81		Tờ trình 24 (19/3/2013)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
13	Thao trường huấn luyện	22,19	CLN	Xã Bù Nho	2.663		2.663		Cv 125/BCHT-TM ngày 21/01/2015 về đky KHSDĐ2016, Cv 802/BCHH-TM ngày 10/10/2016 đky KHSDĐ	
14	Trạm xử lý nước thải TTİM Bù Nho	0,10	CLN	Xã Bù Nho	41		41		QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
15	Trường mẫu giáo Bù Nho	0,17	CLN	Xã Bù Nho	70		70			
16	Trường Mẫu giáo thôn Tân Phước, Tân Bình	1,25	CLN	Xã Bù Nho	60		60			
17	Đường Bù Nho - Long Tân	3,50	CLN	Xã Bù Nho, Long Tân	1.049		1.049		QĐ 2149/QĐ-UBND H ngày 15/8/2016	
18	Chợ xã Long Bình	1,00	CLN	Xã Long Bình	120		120			
19	Mở rộng trường THCS Long Bình	0,42	CLN	Xã Long Bình	50		50			
20	SVD Long Bình	1,50	CLN	Xã Long Bình	180		180			
21	Đường thôn Bù Ka 1	1,20	CLN	Xã Long Hà	495		495			
22	NVH thôn 6, 9, Thanh Long	0,75	CLN	Xã Long Hà	163		163			
23	Trường mẫu giáo Vĩnh Khuyên thôn Bù Ka 1	0,15	CLN	Xã Long Hà	62		62			
24	NVH thôn 10, thôn 2	0,20	CLN	Xã Long Hưng	83		83			
25	Bãi rác huyện	10,00	CLN	Xã Long Tân	1.200		1.200		Điều chỉnh diện tích theo biên bản làm việc giữa UBND huyện và Công ty cao su	
26	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật	30,00	CLN	Xã Long Tân	3.600		3.600		Cv 125/BCHT-TM ngày 21/01/2015 về đky KHSDĐ2016, Cv 802/BCHH-TM ngày 10/10/2016 đky KHSDĐ	
27	Trạm cấp nước xã Long Tân	0,16	TMD	Xã Long Tân					CV 1248/CV-UBND (12/9)	Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất
28	Bãi rác xã Phú Riêng	1,51	CLN	Xã Phú Riêng	1.325		1.325		CV 925/CSVN-KHĐT (05/04/2013)	
29	Khu xử lý nước thải TTİM Phú Riêng	0,10	CLN	Xã Phú Riêng	58		58		QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
30	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân xã Phú Riêng	1,88	CLN	Xã Phú Riêng	226		226			
31	SVD Phú Riêng (chuyển cho địa phương quản lý)	2,12	CLN	Xã Phú Riêng					CV 925/CSVN-KHĐT (05/04/2013)	Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất
32	Trường mẫu giáo Phú Riêng	0,50	CLN	Xã Phú Riêng	250		250		CV 925/CSVN-KHĐT (05/04/2013)	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
33	Trường mẫu giáo, tiểu học thôn Phú Bình, Phú Thuận	0,20	CLN	Xã Phú Riêng	83		83			
34	Cầu Long Tân - Phú Riêng	0,52	DGT và HLLG, CLN	Xã Phú Riêng, Long Tân	78		78			
35	NVH thôn Phú Tâm	0,20	DYT	Xã Phú Trung	25		25			
36	UBND xã Phú Trung (mới)	0,70	CLN	Xã Phú Trung	84		84			
37	Bãi rác xã Phước Tân	2,00	CLN	Xã Phước Tân	240		240			
38	Nghĩa địa thôn Bàu Đìa	1,00	CLN	Xã Phước Tân	413		413			
39	Nghĩa địa thôn Đồng Tháp	1,00	CLN	Xã Phước Tân	413		413			
40	NVH thôn Bàu Đìa	0,50	CLN	Xã Phước Tân	206		206			
41	NVH thôn Đồng Tâm	0,50	CLN	Xã Phước Tân	206		206			
42	NVH thôn Đồng Tháp	0,50	CLN	Xã Phước Tân	206		206			
43	NVH thôn Đồng Tiến	0,50	CLN	Xã Phước Tân	206		206			
44	Sân bóng xã Phước Tân	0,92	CLN	Xã Phước Tân						Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất
45	Trường tiểu học Chu Văn An	1,00	CLN	Xã Phước Tân	413		413			
46	Trường tiểu học Trần Phú	0,50	CLN	Xã Phước Tân	206		206			
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	66,17			23.011	11.146	11.865			
1	Đường GTNT Long Hưng-Phước Bình	22,40	DGT và HLLG	Long Hưng, Bình Sơn	9.247		9.247			Bổ sung theo ý kiến của Sở
2	Khu vui chơi thôn Phú Châu	0,10	DGD	Xã Bình Sơn						Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất
3	NVH thôn Sơn Hà 1	0,08	CLN	Xã Bình Sơn						Thu hồi đất Công ty Cao su nên không bồi thường về đất
4	NVH thôn Sơn Hà 2	0,16	CLN	Xã Bình Sơn	20		20			
5	Bãi rác xã Bình Tân	1,50	CLN	Xã Bình Tân	180		180			
6	Đất giao thông KDC Bù Nho	0,08	CLN	Xã Bù Nho				QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017		Đất công không bồi thường
7	Khu an sinh xã hội	0,11	CLN	Xã Bù Nho						Đất công không bồi thường
8	Trạm biến áp 110KV	0,70	CLN	Xã Bù Nho	84		84	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017		
9	Đường Bù Nho - Phước Tân	27,00	CLN	Xã Bù Nho, Phước Tân	11.146		11.146			
10	Nghĩa trang xã Long Bình	2,90	CLN	Xã Long Bình	826		826			
11	TTHC+TTVH xã Long Bình	4,00	CLN	Xã Long Bình	480		480			
12	Khu dân cư xã Long Tân	0,09	CLN	Xã Long Tân	37		37	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017		
13	Khu VH-TDĐT xã Long Tân	0,49	CLN	Xã Long Tân	202		202	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (trệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
14	NVH thôn 1, thôn 2	1,03	DTT, CLN	Xã Long Tân	170		170			
15	Xây dựng đường và hành lang an toàn lưới điện trung thế	1,03	CLN	Xã Long Tân	113		113		CV 409/UBND-SX (29/3/2017)	
16	Khu dân cư Phú Thành Phú Riêng	0,46	CLN	Xã Phú Riêng	190		190		QE 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
17	Mở rộng NVH thôn Phú Vinh	0,03	CLN	Xã Phú Riêng						Đất công không bồi thường
18	Sân bóng Phú Vinh	0,90	CLN	Xã Phú Riêng	108		108		QE 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
19	TTHC+TTVH xã Phú Riêng	3,00	CLN	Xã Phú Riêng	88		88		QE 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	
20	Bãi rác xã Phú Trung	1,00	CLN	Xã Phú Trung	120		120			
VIII	Huyện Bù Gia Mập	231,94			90,348		6,711	83,638		
*	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	106,60			6,750		2,000	4,750		
1	Trường mẫu giáo xã Bình Thắng (điểm chính)	0,23	TMD	Xã Bình Thắng					QE 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
2	Bãi trung chuyển rác xã Bình Thắng	1,00	CLN	Xã Bình Thắng					QE 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
3	Hội trường thôn 2B	0,50	CLN	Xã Bình Thắng					QE 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất Ban quản lý rừng
4	Hội trường thôn 3	0,70	CLN	Xã Bình Thắng					QE 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
5	Nhà văn hóa Thôn 4	0,05	CLN	Xã Bình Thắng					QE 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
6	Khu di tích văn hóa Thác Đak Mai 1	2,35	CLN, RSX, RPH, SON	Xã Bù Gia Mập	3,750			3,750	QE 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	
7	Đường từ ĐT760-TT xã BGM	26,07	CLN, RSX, RSX, RPH	Xã Bù Gia Mập, Phú Văn					2863/QĐ-UBND ngày 28/10/2017	Đất công ty cao su
8	Bãi rác thôn 4	4,00	CLN	Xã Đa Kì					Ban QLDA CTGT đăng ký	
9	Mở rộng nhà Văn hóa thôn 6	0,05	CLN	Xã Đa Kì					2864/QĐ-UBND ngày 28/10/2017	Đất công ty cao su
10	Mở rộng trường TH Đa Kì C	0,03	CLN	Xã Đa Kì	2,000		2,000		QE 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
11	Nghĩa địa thôn 5	5,00	CLN	Xã Đa Kì					QE 4047/QĐ-UBND, ngày 23/9/2016	Đất Ban quản lý rừng và đất công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW,...)		
12	Tổ điện Bù Gia Mập	0,10	CLN	Xã Đa Kia					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
13	Mô hình trình diễn cây điều	20,00	RSX	Xã Đak Ô	1.000			1.000	QĐ 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	
14	Nhà địa bàn dồn 783	0,03	CLN	Xã Đak Ô					CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2017	Đất công ty cao su
15	Quốc lộ 14C (Đoạn xã Phú Nghĩa)	29,25	RSX, CLN	Xã Phú Nghĩa					CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2016	Đất công ty cao su
16	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Bù Gia Mập	0,20	CLN	Xã Phú Nghĩa					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
17	Trường Tiểu học TT Phú Nghĩa (C13)	1,13	CLN	Xã Phú Nghĩa					Quyết định 336/QĐ-UBND ngày 15/2/2017 phê duyệt KH SDD năm 2017 của huyện Bù Gia Mập	Đất ủy ban quản lý
18	TT văn hóa thể thao (Khu A11, A12, A16)	7,11	CLN	Xã Phú Nghĩa					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
19	Đường DT 760 nối dài Phú Nghĩa - Đa Kia	6,30	CLN	Xã Phú Nghĩa, Đa Kia					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
20	Điểm mẫu giáo Hòa Mỹ	2,00	CLN	Xã Phước Minh					CV 3258/UBND-KTN của UBND tỉnh ngày 31/10/2017	Đất công ty cao su
21	TT thương ruại xã Phước Minh	0,50	CLN	Xã Phước Minh					Quyết định 336/QĐ-UBND ngày 15/2/2017 phê duyệt KH SDD năm 2017 của huyện Bù Gia Mập	Đất công ty cao su
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	125,35			83.598	0	4.711	78.888		
1	Bãi trung chuyển rác xã Bù Gia Mập	0,50	RSX	Xã Bù Gia Mập	6			6	QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
2	Đồn biên phòng Đak Nô	3,00	RDD	Xã Bù Gia Mập					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất rừng đặc dụng
3	Nhà địa bàn dồn 785	0,10	CLN	Xã Bù Gia Mập					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
4	Nghĩa địa thôn Bình Hà 2	1,00	CLN	Xã Đa Kia					QB 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất Ban quản lý rừng và đất công ty cao su
5	Nhà văn hóa thôn 9	0,12	CLN	Xã Đak Ô					CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2016	Đất công ty cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
6	Trường Mẫu giáo Ánh Dương (Điểm chính)	0,90	CLN	Xã Đak O					QĐ 1679/6/8/2014 Công nhận xếp hạng di tích cấp tỉnh	Đất Ban quản lý rừng và đất công ty cao su
7	Mở rộng UBND xã Đức Hạnh	0,20	CLN	Xã Đức Hạnh					CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2017	Đất Ban quản lý rừng
8	Đường D2, D3 khu TTHC	1,43	CLN	Xã Phú Nghĩa					QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
9	Cụm TTCN Phú nghĩa 2	49,30	CLN	Xã Phú Nghĩa					QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất ủy ban quản lý
10	Đường D19 khu TTHC	0,18	CLN	Xã Phú Nghĩa	2.000		2.000		QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 4/8/2018	
11	Hồ thủy lợi thôn Khắc Khoan	15,00	CLN	Xã Phú Nghĩa	1.000		1.000		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
12	Mở rộng Công An huyện	0,70	CLN	Xã Phú Nghĩa					CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2017	Đất công ty cao su
13	Trường THCS Phú Nghĩa	0,80	DGD	Xã Phú Nghĩa	704		704		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
14	Cụm Tiểu thủ công nghiệp Phú nghĩa 3	44,30	CLN	Xã Phú Nghĩa, Đức Hạnh					QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	Đất Ban quản lý rừng và đất công ty cao su
15	Bãi rác thôn Cây Da	1,00	RSX	Xã Phú Văn	78.888			78.888	BC 72 ngày 6/5/2017 1 hành tra	
16	Đường thôn 2-thôn 3	0,12	CLN	Xã Phú Văn					CV 2095/UBND-KTN ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh	Đất công ty cao su
17	Mở rộng trường Mẫu giáo Bông Sen	0,23	CLN	Xã Phú Văn					QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất Ban quản lý rừng
18	Trường cấp 2+Mẫu giáo Bông Sen thôn Cây Da	2,00	RSX	Xã Phú Văn					QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công ty cao su
19	TT thể dục - thể thao	1,00	CLN	Xã Phú Văn	435		435		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2021	
20	Đường vào TT xã Phước Minh	2,43	CLN	Xã Phước Minh	19		19		CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2017	
21	Mở rộng đường ĐT 759 (Phước Tân - Bù Đốp)	0,04	CLN	Xã Phước Minh	206		206		QĐ 4047/QĐ-UBND, ngày 23/9/2016	
22	Nghĩa địa thôn Bình Tân	1,00	CLN	Xã Phước Minh	341		341		QĐ 3793/QĐ-UBND 29/10/2011	
IX	Huyện Bù Đốp	925,41			40.837	8.181	8.024	24.632		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	14,86			12	0	12	0		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
1	Trụ sở ấp Thanh Trung, TT Thanh Bình	0,05	CLN	thị trấn Thanh Bình	12		12		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
2	Nhà văn hóa xã Hưng Phước	0,59	LUK	xã Hưng Phước					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
3	Nghĩa địa xã Hưng Phước	5,00	CLN	xã Hưng Phước					QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
4	Trường Mẫu giáo Hưng Phước	0,30	CLN	xã Hưng Phước					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
5	Mở rộng trường THCS Hưng Phước	0,50	CLN	Xã Hưng Phước					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
6	Trường THCS Phước Thiện	1,50	CLN	xã Phước Thiện					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
7	Mở rộng trường mẫu giáo Phước Thiện	0,40	CLN	Xã Phước Thiện					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
8	Sân vận động xã Phước Thiện	2,00	CLN	Xã Phước Thiện					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
9	Nghĩa địa xã Tân Tiến	3,30	CLN	xã Tân Tiến					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
10	Mở rộng trường mẫu giáo Tân Tiến	0,57	CLN	Xã Tân Tiến					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
11	Trường TH Thanh Hòa	0,15		xã Thanh Hòa					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
12	Trường Tiểu học Thiện Hưng B	0,30	CLN	xã Thiện Hưng					QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
13	Trường Tiểu học Thiện Hưng C	0,57	DVH	xã Thiện Hưng					QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
14	Trường THCS Bà Đốp	0,20	NTD	xã Thiện Hưng					QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
15	Sân Vận xã Thiện Hưng	3,0	CLN	Xã Thiện Hưng					QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	910,55			40.825	8.181	8.012	24.632		
1	Dự án Đường Vành đai và khu dân cư KP Thanh Bình	10,00	LUK+CLN+ONT	thị trấn Thanh Bình	20.782			20.782	QĐ số 334/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND huyện	thu hồi đất dân (1000m2 ODT, CLN 66900 m2, LUK: 23000m2)
2	Trường PTTH Thanh Hòa	5,00	ODT	Thị trấn Thanh Bình					QĐ số: 2708/QĐUBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
3	Chợ Hưng Phước	0,31	TSC	Xã Hưng Phước					QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
4	Trường bán BCHPĐ Biên Phòng	30,00	RSX	Xã Phước Thiện					CV số 125/BCHT-TM ngày 21/01/2016 về đóng góp ý kiến về KHSDĐ 2016	Thu hồi đất Nông lâm trường, Không bồi thường về đất
5	Kênh thủy lợi đập M26	0,70	LUK	Xã Phước Thiện					QĐ số 2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	Hiện đất, không bồi thường
6	Khu Thương mại - DV- Công Nghiệp cửa khẩu Hoàng Diệu	495,00	RSX	Xã Phước Thiện, Xã Hưng Phước					QĐ số: 1928/QĐUBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	thu hồi đất công ty, không bồi thường về đất
7	Khu Thương mại - DV- Công Nghiệp cửa khẩu Tân Thành	317,18	CLN, ONT, DGT	Xã Tân Thành					QĐ số 1668/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	Thu hồi đất Trung đoàn 717, Không bồi thường về đất
8	Trụ sở ấp Tân Phú	0,05	CLN	Xã Tân Thành	12			12	QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
9	Công trình thủy lợi	5,00	CLN	Xã Tân Thành	950			950	QĐ số 2956/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	thu hồi đất dân
10	Dự án cấp nước sạch	0,11	CLN	Xã Tân Thành					QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	Hiện đất, không bồi thường
11	Dự án cấp nước sạch	0,04	CLN	xã Tân Tiến					QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	đất xã quản lý

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
12	Dự án khai thác tài nguyên (Phân sỏi đỏ)	7,00	CLN	xã Thanh Hòa	3.850			3.850	QĐ số 11/QĐ-UBND ngày 03/01/2007 của UBND tỉnh Bình Phước	Thu hồi đất dân
13	Cần cử hộ cần kỹ thuật	20,00	CLN	Xã Thanh Hòa					CV số 125/BCHT-TM ngày 21/01/2016 về đồng góp ý kiến về KHSD 2016	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
14	Đắp thủy lợi (ấp 4+5)	20,00	CLN	Xã Thanh Hòa	4.000	4.000				Đền bù cây trồng
15	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ KM 24+250 – Km40 + 500	30,88	CLN, ONT	Xã Thiện hưng, Phước Thiện, Hưng Phước	7.050		7.050		QĐ số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	Đền bù cây trồng
16	Dự án thành phần GPMB, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,16	CLN	huyện Bù Gia Mập	4.181	4.181				Đền bù cây trồng
X	Huyện Đồng Phú	979,30			347.855	73.386	121.785	152.685		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	911,53			266.566	18.701	96.866	151.000		
1	Nhà VH ấp Dền Dền	0,10	CLN	TT. Tân Phú						
2	Trường Mầm non Tuổi Ngọc (điểm chính)	0,67	DTT	X. Đồng Tiến						
3	Trường mầm non ấp Pa Pếch + Nhà văn hóa ấp	0,30	CLN	X. Tân Hưng						
4	Trường tiểu học ấp Pa Pếch	0,50	CLN	X. Tân Hưng						
5	Nhà VH ấp Cây Cây	0,70	CLN	X. Tân Hưng						
6	Bãi rác trung chuyển ấp 2 và ấp 4	0,02	CLN	X. Tân Lập						
7	Nhà VH ấp 4 và ấp 7	0,30	CLN	X. Tân Lập						
8	Hồ Tân Lợi	23,21	CLN	X. Tân Lợi						
9	Dự án cấp đất cho các hộ thiếu đất sản xuất	60,00	RSX	X. Tân Lợi						
10	Nghĩa trang nhân dân xã Đồng Tâm	4,00	CLN	X. Đồng Tâm						
11	Xây dựng trường TH Đồng Tâm B	2,07	CLN	X. Đồng Tâm						
12	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	51,00	RSX	X. Tân Hòa						
13	Nhà văn hóa ấp Sác Xi và ấp Lam Sơn	0,20	RSX	X. Tân Phước						
14	Điểm tập kết rác ấp Minh Hoà	0,30	CLN	X. Tân Tiến						
15	Mở rộng nghĩa trang ấp Minh Tân	2,00	CLN	X. Tân Tiến						
16	Di dời, mở rộng nhà VH ấp Minh Hòa và ấp Tân Hà	1,00	CLN	X. Tân Tiến						
17	Nghĩa trang nhân dân xã	2,00	CLN	X. Thuận Lợi						
18	Nhà VH ấp Thuận Hòa 2 (mở rộng)	0,20	CLN	X. Thuận Lợi						
19	Nhà VH - TDTT ấp Thuận Bình	0,20	CLN	X. Thuận Lợi						
20	Sân vận động+ khu vui chơi ấp Thuận Hòa 1	0,60	CLN	X. Thuận Lợi						

Dất thuộc Công ty CP cao su Đồng Phú, không bồi thường về đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
21	Cụm công nghiệp Thuận Phú	50,00	CLN	X. Thuận Phú						
22	Khu dân cư áp Thuận Hải (khu tái định cư + khu cấp đất cho hộ gia đình chính sách hộ nghèo)	0,70	CLN	X. Thuận Phú						
23	Khu dân cư áp Thuận Phú 2	0,60	CLN	X. Thuận Phú						
24	Bãi rác trung chuyển áp Thuận Phú 1, 2, 3	0,07	CLN	X. Thuận Phú						
25	Khu văn hóa - TDTT áp Thuận Phú 3 và áp Thuận Hải	2,14	CLN	X. Thuận Phú						
26	Mở rộng chợ Thuận Phú	1,16	CLN	X. Thuận Phú						
27	Đường Phú Riêng Đò nối dài Từ khu TTHC huyện lên khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	5,59	CLN	TT. Tân Phú	6.800		6.800			
28	Đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi xã Tân Tiến	0,32	CLN	TT. Tân Phú, Xã Tân Tiến	1.100		1.100			
29	Mở rộng trụ sở Binh đoàn 16	6,73	CLN	X. Đồng Tiến	5.300		5.300			
30	Mở rộng trạm thu phí QL14	0,30	CLN	X. Đồng Tiến	1.100		1.100			
31	Hạ lưu công thoát nước QL14	0,20	CLN	X. Đồng Tiến	1.050		1.050			
32	Đường vào khu dân cư áp 2+ áp 9	0,20	CLN	X. Tân Lập	978		978			
33	Đường vào sân bóng cũ	0,04	CLN	X. Tân Lập	120		120			
34	Đường từ trung tâm huyện đi xã Tân Lợi	3,32	CLN	X. Tân Lợi	520		520			
35	Đường TTHC xã	0,40	CLN	X. Tân Lợi	515		515			
36	Nhà VH áp 3, 5, 6	0,90	CLN	X. Đồng Tâm	2.910		2.910			
37	Dự án Công trình QK1	28,77	CLN	X. Tân Tiến	18.701	18.701				
38	Khu tái định cư công ty TNHH MTV cao su Bình Phước	90,00	CLN	X. Tân Tiến	63.500		63.500			
39	Dự án xây dựng trường MN áp Thuận Bình	0,05	CLN	X. Thuận Lợi	3		3			
40	Xây dựng cầu tổ 6	0,07	CLN	X. Thuận Phú	70		70			
41	Nâng cấp, mở rộng đường Lam Sơn (ĐT 753B)	14,00	CLN+ONT	Xã Đồng Tâm	7.700		7.700			
42	Đường liên xã Đồng Tâm - Thuận Lợi	5,00	CLN	Xã Đồng Tâm, Thuận Lợi	3.700		3.700			
43	Đường liên xã Tân Hòa- Tân Lợi	1,48	CLN	Xã Tân Hòa, Tân Lợi	1.500		1.500			
44	Đường Đồng Phú- Bình Dương	550,12	CLN+NTS+DGT+SON	Xã Tân Phước, Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng, Đồng Tâm	151.000			151.000		Mới thực hiện BOT Đường Đồng Phú-Bình Dương
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	67,77			81.289	54.685	24.919	1.685		
1	Đường Nông thôn mới áp An Hòa 1 và An Hòa 2	0,36	CLN	X. Tân Tiến						Đất cao su không bồi thường
2	Thu hồi làm đường điện	0,17	CLN	X. Tân Lập	67		67			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
3	Dự án đường vào khu B KCN Bắc Đồng Phú	2,50	SKK	TT. Tân Phú	2.500		2.500			
4	Đường số 8 và số 10	0,03	CLN	TT. Tân Phú	700		700			
5	Đường ngã 3 ấp Đồng Bìn đi ấp Thạch Máng	1,20	CLN	X. Tân Lợi	1.250		1.250			
6	Mở rộng THHC xã Tân Hòa	0,49	CLN	X. Tân Hòa	294		294			
7	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	18,70	CLN+DGT+ONT	X. Tân Lập, Tân Tiến, TT. Tân Phú	53.000	53.000				
8	Thu hồi đất lộ giới đường ĐT 753 (trường hợp Bà Mười - Tân Phước)	0,04	CLN	X. Tân Phước	715		715			
9	Dự án xây dựng khu dân cư xã Tân Tiến	10,89	CLN	X. Tân Tiến	7.623		7.623			
10	Xây dựng cầu ống Nhứt	0,05	CLN	X. Tân Tiến	50		50			
11	Nâng cấp, mở rộng đường dẫn vào trường THPT Đồng Phú mới	1,00	CLN	X. Tân Tiến	2.650		2.650			
12	Xây dựng cầu Suối Đá	0,02	CLN	X. Thuận Lợi	20		20			
13	Xây dựng cầu Dara	0,17	CLN	X. Thuận Phú	170		170			
14	Đường liên xã Đồng Tiến - Tân Hòa	11,45	CLN	Xã Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hòa	7.900		7.900			
15	Dự án thành phần GPMB, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,23		xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm,						Dải công, không bồi thường đất
16	Đường GTNT xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm	16,80	DGT và HLBVĐB	xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm,	1.685		1.685			
17	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt Pa Pech	0,13	CLN	xã Tân Hưng	1.685	1.685				CV 361/BQLNN-KTĐD ngày 23/10/2017
18	Mở rộng nghĩa trang xã Tân Lập	0,25	CLN	X. Tân Lập						dân hiến đất
19	Nâng cấp, mở rộng đường Cầu ống Kỳ đi Tổ 3, ấp Quán Y, xã Tân Lợi	3,30	DGT	xã Tân Lợi	980		980			công văn số 2349/UBND-KT ngày 06/11/2017
XI	Huyện Lộc Ninh	1.152,96			160.834	113.524	22.341	24.969		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017	1.078,99			142.098	102.024	15.106	24.969		
1	Đường GTNT Lộc Khánh-Lộc Hiệp	16,80	DGT và HLLG	Lộc Khánh, Lộc Hiệp	350		350			
2	Đường KP Ninh Phú	0,28	CLN	TT Lộc Ninh	64		64			
3	Mở rộng QL-13	0,10	ODT	TT. Lộc Ninh	650	650				
4	Hồ chứa nước	10,00	CLN	TT. Lộc Ninh	4.000		4.000			
5	Đường tránh QL-13	11,88	CLN	TT. Lộc Ninh, xã Lộc Tiến, Lộc Tấn	14.138	14.138				
6	Nhà công vụ CBCNV	0,03	CLN	Xã Lộc An	7		7			
7	Nhà công vụ cho đội công tác	0,03	CLN	Xã Lộc An	7		7			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
8	Mở rộng nghĩa trang nhân dân	1,50	CLN	Xã Lộc Hiệp	345		345			
9	Sân vận động	2,00	CLN	xã Lộc Hiệp	460		460			
10	Nhà Văn hoá ấp 6 và ấp 8	0,90	CLN	xã Lộc Hòa	138		138			
11	Sân vận động ấp Hoa Lư	0,30	CLN	Xã Lộc Hòa	69		69			
12	Nhà VH ấp Tân Lợi	0,25	CLN	xã Lộc Phú	58		58			
13	Trạm bơm ấp Việt Quang	0,01	CLN	xã Lộc Quang	2		2			
14	Trường Tiểu học ấp Việt Tân	2,00	CLN	Xã Lộc Quang	460		460			
15	Khu văn hóa thể thao	1,00	CLN	xã Lộc Tấn	230		230			
16	Mở rộng tiểu học Lộc Tấn B	1,00	CLN	xã Lộc Tấn	230		230			
17	Đường ấp 12	2,10	CLN	Xã Lộc Tấn	483		483			
18	Khu xử lý chất thải	20,53	RSX	Xã Lộc Tấn	3.695		3.695			
19	Đường Tà Thiết -Hoa Lư	30,30	CLN	Xã Lộc Tấn	6.969	6.969				
20	Trường tiểu học Lộc Thái A (đã XD)	1,00	CLN	Xã Lộc Thái	230		230			
21	Đường ấp Thanh Phú-Ấp 11 B	0,35	CLN	Xã Lộc Thạnh	81		81			
22	Trường học và sân Vận động xã	1,00	CLN	Xã Lộc Thạnh	230		230			
23	Tương đài chiến thắng Hoa Lư	2,00	CLN	Xã Lộc Thạnh	460	460				
24	Đường ấp 11B đi ấp 10	1,52	CLN	Xã Lộc Thiện	349		349			
25	Đường Tà Thiết -Hoa Lư	9,29	RSX	Xã Lộc Thiện	1.672	1.672				
26	Đường Tà Thiết -Hoa Lư	10,44	CLN	Xã Lộc Thiện	2.401	2.401				
27	Khu dân cư ấp 11A	12,00	CLN	Xã Lộc Thiện	2.760		2.760			
28	Đường điện 220KV Bình Long - Tây Ninh	0,20	CLN	Xã Lộc Thịnh	46			46		
29	Chợ xã Lộc Thịnh	0,90	CLN	Xã Lộc Thịnh	208		208			
30	Thiền viện Trúc Lâm	60,00	RSX	Xã Lộc Thịnh	10.800			10.800		
31	Dự án khai thác mỏ đá với phục vụ chuyên 2 Nhà máy xi măng Bình Phước	78,46	RSX	Xã Lộc Thịnh	14.123			14.123		
32	Khu TM -Dịch vụ - Công nghiệp cửa khẩu Lộc Thịnh	420,74	RSX	Xã Lộc Thịnh	75.733	75.733			Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh	
33	Dự án thành phần GPMB, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,08	DGT và HLLG	Lộc Ninh	650		650			
34	Đất di tích lịch sử và du lịch Bộ Chỉ huy Miền Tà Thiết	380,00	RSX	Lộc Thành	-					Đất Ban Quản lý rừng Tà Thiết quản lý
b	Các dự án phát sinh mới năm 2018	73,97			18.736	11.500	7.236	0		
1	Trung tâm văn hóa xã	0,27	CLN	Xã Lộc Hưng	62		62			
2	Trường Mẫu Giáo	0,80	CLN	Xã Lộc Hưng	184		184			
3	Mở rộng THCS Lộc Điền	0,20	CLN	Lộc Điền	46		46			
4	Bãi rác	2,00	CLN	Lộc Điền	460		460			
5	Nghĩa địa	3,50	CLN	Lộc Điền	805		805			
6	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	0,50	CLN	Lộc Thuận	115		115			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số niên để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
7	Trụ sở ấp 6 và ấp 7	0,90	CLN	Lộc Thuận	138		138			
8	Trường Tiểu học	0,51	CLN	Lộc Thuận	118		118			
9	Cán cứ hậu cần	20,00	CLN	Lộc Thuận	4.600	4.600				
10	Chợ ấp 54	0,15	CLN	xã Lộc An	35		35			
11	Nhà văn hóa ấp 4	0,30	CLN	xã Lộc An	69		69			
12	Đường giao thông ấp 8	0,56	CLN	xã Lộc Điền	129		129			
13	Trường Mẫu giáo và Nhà văn hóa ấp 8	1,04	CLN	xã Lộc Điền	239		239			
14	Trường Mẫu giáo và Nhà văn hóa ấp 9	1,30	CLN	xã Lộc Điền	299		299			
15	Hồ Thủy lợi	30,00	CLN	xã Lộc Tấn	6.900	6.900				
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng	0,03	CLN	xã Lộc Thái	7		7			
17	Hội trường ấp 1	0,07	CLN	xã Lộc Thái	16		16			
18	Nhà sinh hoạt cộng đồng	0,50	CLN	xã Lộc Thái	115		115			
19	Mở rộng Trường Mẫu giáo Hoa Mĩ	0,50	CLN	xã Lộc Thái	115		115			
20	Trụ sở ấp 8	0,30	CLN	xã Lộc Thuận	69		69			
21	Khu dân cư đô thị	0,54	CLN	TT Lộc Ninh	217		217			
22	Khu dân cư đô thị	10,00	CLN	TT Lộc Ninh	4.000		4.000		Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh	
609	TỔNG	13.544,93			11.358.425	2.522.665	2.704.397	6.131.364		

Ghi chú (*):

- CLN: Đất trồng cây lâu năm
- RSX: Đất trồng rừng sản xuất
- ONT: Đất ở tại nông thôn
- ODT: Đất ở tại đô thị
- TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan
- TON: Đất cơ sở tôn giáo
- DGD: Đất cơ sở giáo dục đào tạo
- DGT: Đất giao thông
- NTS: Đất nuôi trồng thủy sản
- SON: Đất sông suối và MNCD
- SKK: Đất Khu công nghiệp
- MNC: Đất mặt nước chuyên dùng
- DCH: Đất chợ
- DTT: Đất thể dục, thể thao
- RDD: Đất rừng đặc dụng
- DYT: Đất y tế
- HNK: Đất trồng cây hành năm khác



Phụ lục 02: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 50 /NQ-HĐND ngày 2/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

	Tên dự án	Diện tích (ha)	Loại đất CMB	Sử dụng sang loại đất	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Huyện Chợ Thành	7,50					
1	Trại chăn nuôi heo của CN Bình Phước Công ty TNHH Rạng Đồng Tâm	7,500	Đất trồng lúa	Đất nông nghiệp khác	xã Quang Minh	QĐ số 2488/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh	
II	Huyện Bù Gia Mập	2,852					
1	Khu di tích văn hóa Thác Đăk Mai 1	2,352	Đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất	Đất cơ sở văn hóa	Xã Bù Gia Mập	QĐ số 1679/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 Công nhận xếp hạng di tích cấp tỉnh	
2	Quần niệm Chi hội tin lành Bù Nga	0,500	Đất rừng phòng hộ	Đất tôn giáo	Xã Bù Gia Mập	Đang xin chủ trương giao đất của UBND tỉnh	
III	Huyện Bù Đăng	0,500					
1	Giáo họ Đức Liên	0,500	Đất rừng phòng hộ	Đất tôn giáo	xã Bom Bo	Đang xin chủ trương giao đất của UBND tỉnh	
TỔNG		10,852					